

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết và hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 79/TTr-STC ngày 11 tháng 6 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng.

2. Những nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan.

## **Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức**

1. Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính:

a) Trung tâm hành chính tỉnh: Tối đa  $1.000\text{m}^2$ ; trong đó, diện tích dành để bố trí nơi ngồi chờ giải quyết công việc không được nhỏ hơn 30% diện tích sử dụng.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc: Tối thiểu  $48\text{m}^2$ , tối đa  $230\text{m}^2$ ; trong đó, diện tích dành để bố trí nơi ngồi chờ giải quyết công việc không được nhỏ hơn 30% diện tích sử dụng.

- Ủy ban nhân dân các huyện còn lại: Tối thiểu  $48\text{m}^2$ , tối đa  $150\text{m}^2$ ; trong đó, diện tích dành để bố trí nơi ngồi chờ giải quyết công việc không được nhỏ hơn 30% diện tích sử dụng.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã: Tối thiểu  $48\text{m}^2$ , tối đa  $80\text{m}^2$ ; trong đó, diện tích dành để bố trí nơi ngồi chờ giải quyết công việc không được nhỏ hơn 30% diện tích sử dụng.

2. Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân:

a) Đối với cấp tỉnh và cấp huyện:

- Trụ sở tiếp công dân của tỉnh, phòng tiếp công dân của huyện, thành phố: Tối thiểu  $18\text{m}^2$ , tối đa  $60\text{m}^2$ ;

- Phòng tiếp dân của cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện: Tối thiểu  $18\text{m}^2$ , tối đa  $30\text{m}^2$ .

b) Phòng tiếp dân của Ủy ban nhân dân cấp xã: Tối thiểu  $18\text{m}^2$ , tối đa  $30\text{m}^2$ .

3. Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin tại cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã: Tối thiểu  $24m^2$ , tối đa  $40m^2$ .

4. Diện tích hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên):

a) Hội trường không trang bị bàn viết (chỉ trang bị ghế bành hoặc ghế tựa):  $0,8m^2$ /chỗ ngồi;

b) Hội trường được trang bị bàn viết:  $1,8m^2$ /chỗ ngồi.

5. Diện tích kho chuyên ngành:

a) Cấp tỉnh: Tối đa  $200m^2$ /cơ quan, tổ chức;

b) Cấp huyện: Tối đa  $150m^2$ /cơ quan, tổ chức;

c) Cấp xã: Tối đa  $100m^2$ /xã, phường, thị trấn.

6. Trường hợp do yêu cầu phục vụ công tác cần thiết phải bố trí diện tích chuyên dùng vượt quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này; cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đề nghị bằng văn bản đến Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, gồm: các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng nghề: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của Trường Cao đẳng sư phạm Đà Lạt: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

#### **Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính và Sở Xây dựng về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp tại đơn vị sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính và Sở Xây dựng về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng.

### **Điều 6. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không xác định lại điện tích chuyên dùng theo quy định tại Quyết định này. Trường hợp do thay đổi về cơ cấu tổ chức biên chế dẫn đến thay đổi (tăng hoặc giảm) nhu cầu sử dụng điện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù cần thiết phải điều chỉnh dự án thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp cho phù hợp theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở làm việc, trong đó có bố trí điện tích chuyên dùng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung điện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp điện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

b) Tham gia ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh khi có phát sinh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng được quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách khi

được giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng chưa được quy định tại Quyết định này; cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ng*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Báo Lâm Đồng, Đài PTTH tỉnh;
- Như Điều 8;
- Lưu: VT, TH<sub>2</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Việt**